

# Tìm hiểu vấn đề CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI ĐỒNG LOẠT TĂNG LÃI SUẤT

HUY MINH

Lãi suất trên thị trường vốn vay đang tác động bất lợi đến sản xuất kinh doanh và đời sống. Những người đi vay và những người cho vay đều mong muốn NHNN Việt Nam sớm có những biện pháp ổn định lại mặt bằng lãi suất. Một lãi suất hợp lý ở cả đầu vào (tiền gửi) và đầu ra (cho vay) sẽ phục vụ đắc lực thực hiện 2 mục tiêu tăng trưởng kinh tế và kiềm chế lạm phát theo yêu cầu của kế hoạch nhà nước năm 2005.

**T**ời gian gần đây, trên các phương tiện thông tin đại chúng rộ lên vấn đề các ngân hàng thương mại (NHTM) và các tổ chức tín dụng (TCTD) đồng loạt tăng lãi suất, cả lãi suất tiền gửi và lãi suất cho vay, cả lãi suất nội tệ và lãi suất ngoại tệ. Tình hình này tác động tới mọi lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng; đối với mọi thành phần kinh tế; trên cả địa bàn thành thị, nông thôn.

Dư luận xã hội tập trung vào mấy điểm chính:

(1) Lãi suất tiền gửi tăng nhưng chưa hấp dẫn. Lãi suất tiền gửi của các NHTM kỳ hạn 6 tháng thường ở mức 0,60%-0,67%/tháng trong khi chỉ số giá tiêu dùng (CPI) 4 tháng đầu năm tăng 4,3% (bình quân 1,08%). Theo lý thuyết, lãi suất thực tế là lãi suất danh nghĩa trừ đi mức lạm phát, thì lãi suất thực tế tiền gửi tiết kiệm hiện hành đang mang dấu âm (-).

(2) Lãi suất cho vay của các NHTM tăng cao, từ mức phổ biến 0,75%-0,90%/tháng (với các khoản vay trung hạn) tăng lên 0,95%-1,28%/tháng.

Lãi suất cho vay tăng vào thời điểm vật giá đang leo thang. Giá các vật tư, hàng hoá thiết yếu như xăng dầu, sắt thép, phân bón, thuốc chữa bệnh nhập khẩu đều tăng. Điện, nước, than, xi măng... sản xuất trong nước cũng rục rịch tăng giá. 4 tháng đầu năm, CPI tăng 4,3%, trong đó giá lương thực, thực phẩm tăng cao nhất. Các doanh

nghiệp đang phải gồng mình chống đỡ sự tác động của vật giá, nay lại phải chống đỡ thêm tác động của lãi suất cho vay, nên *nhiều doanh nghiệp phản ứng gay gắt*:

- Ông Cao Văn Phú - Chủ tịch HĐQT Công ty Kinh doanh Bất động sản Cao Phú Thịnh nói: "Chúng tôi đang làm để lấy lãi "nuôi" ngân hàng. Thủ tướng đã yêu cầu không để lãi suất cho vay cao hơn lãi suất cho vay của Agribank. Lãi suất cho vay ngân hàng hiện đang cao quá".

- Ông Lê Văn Ba - Giám đốc Công ty XNK Ninh Bình nói: "Nếu doanh nghiệp không biết tìm cách thoát ra khỏi vòng xoáy của vốn thì tự nó sẽ bị sụt giảm vô hình trói buộc. Kinh doanh trong lĩnh vực xuất nhập khẩu khó hơn gấp bội khi giá cả mặt hàng phụ thuộc vào thị trường thế

giới. Doanh nghiệp phải biết lựa chọn thời điểm giải ngân phù hợp, nếu để cơ hội vượt qua, vốn vay trở thành gánh nặng".

Báo Diễn đàn Doanh nghiệp số 31 ra ngày 20/4/2005 đăng bài: "Doanh nghiệp đau đầu về vốn", có đoạn viết: "...Lãi suất cho vay nội tệ của Agribank hiện đang cao đứng đầu các NHTM nhà nước. Lãi suất cho vay trung dài hạn ở khu vực hộ nông dân, doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn lên tới 1,2-1,25%/tháng. Tiếp đến là Ngân hàng Ngoại thương (VCB), hiện nay lãi suất cho vay cao nhất tới 11,52%/năm hay 0,96%/tháng, tăng 0,6%/tháng. Lãi suất vay thấp nhất của VCB là cho vay ngắn hạn thế chấp bằng sổ tiết kiệm của chính ngân hàng



Lãi suất trên thị trường vốn đang tác động bất lợi đến sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp

này trước đây chỉ có 0,77%/tháng, nay tăng lên 0,83%/tháng...".

Hai NHTM nhà nước lớn nhất mà tăng lãi suất cho vay như thế thì có thể hình dung mức lãi suất cho vay của các NHTM cổ phần còn cao hơn, sẽ làm ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất kinh doanh và đời sống nhân dân.

Tuy nhiên, vào thời điểm này, dư luận xã hội không bức xúc nhiều trước tình hình CPI gia tăng. Bởi vì họ quan niệm giá nguyên liệu nhập khẩu tăng là do tác động của thị trường thế giới; giá lương thực, thực phẩm tăng là do tác động của thiên nhiên (hạn hán, dịch cúm gia cầm). Còn lãi suất cho vay tăng tác động ngay đến những người đi vay. Vì thế, họ kêu ca hệ thống ngân hàng, ngành chức năng điều hành chính sách tiền tệ, chính sách lãi suất.

Để giải tỏa sự nhận xét mang tính vô đoán này, cần đi sâu tìm hiểu chủ trương, sự điều hành và những động thái tác nghiệp của ngành ngân hàng đối với chính sách lãi suất, không phải chỉ trong 4 tháng đầu năm 2005 mà cả năm 2004 vì sự tác động của chính sách tiền tệ đối với nền kinh tế bao giờ cũng có độ trễ. Phải tìm hiểu kỹ mới có thể rút ra những kết luận thỏa đáng, những mặt được và bất cập của sự việc "Các NHTM đồng loạt tăng lãi suất thời gian vừa qua".

**Tại sao năm 2004, mức lạm phát tới 9,5% mà thị trường lãi suất giữ được ổn định?**

Bài "Dấu ấn năm 2004" đăng trên Thời báo Ngân hàng số 3, ngày 12/01/2005 đã lý giải câu hỏi này. Cụ thể như sau: "Trong bối cảnh kinh tế, tiền tệ thế giới diễn biến phức tạp, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã để ra các giải pháp điều hành chính sách tiền tệ phù hợp. Đó là tiếp tục duy trì ổn định lãi suất, điều hành tỷ giá linh hoạt, thận trọng... Nhờ đó tạo được tâm lý tích cực cho thị trường. Vì vậy, cuối năm tỷ giá bình quân trên thị trường liên ngân hàng chỉ tăng dưới 1%; mặt bằng lãi suất huy động và cho vay của các TCTD trong năm chỉ dao động nhẹ so với năm trước (lãi suất VND tăng khoảng 0,36-0,6%/năm, lãi suất huy động ngoại tệ tăng 0,15-0,3%)".

Tuy nhiên, vào thời điểm quý I/2004, thực tế không phải như vậy. Xin trích dẫn ý kiến của một số cán bộ ngành ngân hàng khẳng định sự ổn định của lãi suất như sau:

- "...Nguyên tắc điều hành chính sách tiền tệ là lãi suất phải thực dương – nghĩa là lãi suất huy động tiền gửi của dân cư phải bảo đảm bằng hoặc cao hơn mức lạm phát. Hiện nay, lãi suất huy động tiền gửi bằng VND vẫn còn cao hơn nhiều so với mức lạm phát dự kiến. Người gửi tiền vẫn có lợi, không có lý do gì để thay đổi chính sách lãi suất". (Báo Diễn đàn Doanh nghiệp số 21, ngày 12/3/2004).

- "Lãi suất huy động tiền gửi và theo đó là lãi suất cho vay của các NHTM sẽ không có biến động lớn trong thời gian tới, vì: lượng tiền huy động của các NHTM đang dồi dào, đủ đáp ứng nhu cầu cho vay nền kinh tế. Với lý do trên, không có lý do gì để các NHTM tăng lãi suất trong thời gian tới". (Tạp chí Thị trường Tài chính tiền tệ số 6, ngày 15/3/2004).

- "...Trước mắt có thể nói lãi suất vẫn ổn định trong ít nhất 3 tháng tới. Cũng không nên quá lo về tỷ giá vì chưa lúc nào chúng ta có một lượng ngoại tệ dồi dào như thế này..." (Thời báo Ngân hàng số 21, ngày 12/3/2004).

Sự thật là trong 3 tháng đầu năm 2004, mức lạm phát đã tới 4,9% (bình quân 1,6%/tháng), xấp xỉ bằng mục tiêu 5% Quốc hội đã thông qua cho cả năm 2004. Vào thời điểm ấy, lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 3 tháng của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là 0,47%/tháng. Rõ ràng là nguyên tắc lãi suất dương bị triệt tiêu. Vậy mà lại nhận định là lãi suất năm 2004 ổn định! Chỉ những người gửi tiền là thấy rõ vấn đề. Hiệu ứng là nhiều người đã dịch chuyển vốn từ VND sang tiền gửi ngoại tệ, hoặc rút vốn VND ra sử dụng vào việc khác.

Thực tiễn diễn ra trên đây cho thấy, trong quý I/2004, lãi suất tiền gửi không hình thành theo quan hệ cung cầu, mà bị kìm hãm một cách cơ học để phục vụ mục tiêu kiểm chế lạm phát. Nhưng nó lại gây tác hại là các NHTM không huy

động được vốn nên thiếu vốn cho vay nền kinh tế, dẫn tới tốc độ tăng trưởng GDP bị chậm lại.

Được biết, trong năm 2004, Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam đã thực hiện vai trò cầu nối giữa các NHTM với NHNN, tổ chức 2 cuộc họp vào ngày 7/7/2004 và 22/10/2004 với các NHTM nhà nước để thống nhất đồng thuận duy trì không tăng lãi suất. Khi các NHTM nhà nước đã đồng thuận không tăng lãi suất, thì các NHTM cổ phần và các TCTD khác không thể làm khác. Vì thế, việc đánh giá lãi suất huy động và cho vay năm 2004 chỉ dao động nhẹ so với năm trước là không phản ánh đúng thực trạng của tình hình.

Trong bối cảnh lãi suất bị kìm hãm dẫn tới thiếu vốn khả dụng, chi nhánh VCB TP Hồ Chí Minh là đơn vị đầu tiên "xé rào", phát huy quyền tự chủ kinh doanh, đã nâng lãi suất tiền gửi từ 0,24%-0,60%/năm ở tất cả các kỳ hạn. Các NHTM khác đã làm theo VCB. (Thời báo Ngân hàng số 21, ngày 12/3/2004).

Động thái "xé rào" trên đây chứng minh: Lãi suất tín dụng cũng là một loại giá - giá của vốn vay. Giá cả hàng hóa và dịch vụ lên xuống theo quan hệ cung cầu, thì lãi suất tín dụng cũng hình thành theo quan hệ cung cầu. Sự kìm hãm lãi suất theo ý chí chủ quan không phản ánh đúng sự vận động của thị trường vốn vay (Market for loanable funds).

**Tại sao 4 tháng đầu năm 2005, CPI tăng thấp hơn cùng kỳ năm 2004 mà lãi suất tín dụng lại biến động mạnh?**

Sự kiện các NHTM đồng loạt tăng lãi suất đang tiếp diễn, chưa định hình. Những dữ liệu thông tin chưa hội đủ. Bởi vậy, nhận định đúng sai cũng như dự đoán sự diễn biến tình hình vào lúc này e hơi vội. Tuy nhiên, để cập nhật thông tin phục vụ bạn đọc, xin tập hợp những diễn biến đã xảy ra để bạn đọc tham khảo:

Với độ trễ vốn có, mức lạm phát 9,5% năm 2004 không chỉ gây tác hại trong năm kế hoạch, mà còn ảnh hưởng đến những tháng đầu năm sau. CPI tăng liên tục trong 17 tháng (năm 2004 tăng 9,5% và 5 tháng đầu năm

2005 tăng 4,8%) đã làm tăng nhanh lượng tiền trong lưu thông. Trong khi ấy tốc độ tăng GDP lại không đạt mục tiêu kế hoạch (năm 2004: 7,7%/8%; 5 tháng đầu năm 2005: 7,2%/8,5% kế hoạch năm). Tiền nhiều hơn hàng đã đẩy giá lên cao.

Lãi suất ngân hàng "án binh bất động" trong một thời gian dài. Từ 26/6/2003 đến 14/12/2004, lãi suất cơ bản của NHNN Việt Nam giữ nguyên mức 7,5%/năm tức 0,625%/tháng. Lãi suất cơ bản bất động nên các lãi suất khác như lãi suất liên ngân hàng, lãi suất tiền gửi, lãi suất cho vay đều bị chi phối, khó mà vận động theo cơ chế thị trường.

Mặc dù từ 01/6/2001, lãi suất ngoại tệ đã được tự do hóa và từ 01/6/2002, lãi suất VND đã vận hành theo cơ chế lãi suất thoả thuận. Nhưng năm 2004, trước sự gia tăng của CPI và để ưu tiên phục vụ mục tiêu kiểm chế lạm phát, lãi suất tín dụng đã không vận hành theo cơ chế thị trường.

Trong khi lãi suất trong nước bị kìm hãm, thì lãi suất quốc tế lại biến động mạnh theo hướng tăng lên. Từ 01/7/2004 đến 03/5/2005, Fed đã 8 lần điều chỉnh lãi suất, mỗi lần tăng 0,25%/năm, đưa lãi suất của Fed từ 1,25%/năm lên 3,00%/năm. Lãi suất Libor, Sibor cũng tăng tương ứng theo lãi suất của Fed.

Trước yêu cầu tăng thêm nguồn

vốn để phục vụ mục tiêu tăng trưởng GDP (8,5% năm), đến tháng 02/2005, NHNN Việt Nam mới quyết định tăng lãi suất cơ bản từ 7,5%/năm lên 7,8%/năm tức 0,65%/tháng. Cũng trong thời gian này, Ngân hàng Trung ương đã 2 lần điều chỉnh lãi suất tái cấp vốn từ 5%/năm lên 5,5% rồi 6%/năm và lãi suất chiết khấu từ 3%/năm lên 3,5% rồi 4%/năm.

Đóng thái tăng lãi suất của NHNN Việt Nam được xem như mũi đột phá mở đường cho các NHTM và TCTD đua nhau tăng lãi suất. Lãi suất thị trường phát triển lỏng xõn và nóng lên, tiềm ẩn nhiều dấu hiệu cạnh tranh không lành mạnh: Khách hàng chuyển vốn từ ngoại tệ sang nội tệ. Có tình trạng lãi suất cho vay của một NHTM nhà nước thấp hơn lãi suất huy động của các NHTM cổ phần. Hoặc ngược lại, lãi suất cho vay của chi nhánh NHTM nhà nước cao ngang lãi suất cho vay của NHTM cổ phần nông thôn hay quỹ tín dụng. Nhiều chi nhánh cấp 2, cấp 3 của một NHTM nhà nước không vay vốn điều động nội bộ, mà trực tiếp vay vốn ngân hàng ngoài hệ thống, vì lãi suất ngoài hệ thống thấp hơn trong hệ thống.

Theo thông tin mới nhất, sau khi Fed tăng lãi suất lần thứ 8 lên 3%/năm, lãi suất huy động vốn USD kỳ hạn 12 tháng của các NHTM nước

ta bình quân 3,5%/năm, cao nhất tới 4%/năm. Lãi suất vay ngoại tệ tăng quá sức chịu đựng của doanh nghiệp. Một số doanh nghiệp đang xem xét lại kế hoạch đầu tư của mình. Họ có ý định chuyển sang vay vốn VND, sau đó mua ngoại tệ của chính ngân hàng đó. Nhưng lãi suất vay VND nay đã khá cao, bình quân trên 10%/năm. Vả lại nhiều NHTM lớn đang khan hiếm VND. Các doanh nghiệp không dễ gì tìm được nguồn vốn vay trong bối cảnh lãi suất đang diễn biến không ổn định như hiện nay.

Lãi suất là một công cụ rất nhạy cảm trong việc điều hành chính sách tiền tệ. Trong cơ chế kinh tế thị trường của thời kỳ mở cửa và hội nhập, lãi suất lên xuống theo quan hệ cung cầu về vốn. Nói như vậy không có nghĩa là phủ nhận hay hạ thấp vai trò điều tiết lãi suất của Ngân hàng Trung ương các nước. Đơn cử như Ngân hàng Trung ương Mỹ, mỗi khi Fed điều chỉnh lãi suất, chẳng những tác động đến đời sống kinh tế - xã hội Mỹ mà còn ảnh hưởng đến toàn cảnh thế giới.

Ở Việt Nam, lãi suất bị kìm hãm trong năm 2003-2004 và đang diễn biến tự phát như hiện nay là hệ quả của việc điều hành chính sách tiền tệ, trong đó có việc điều hành chính sách lãi suất.

H.M